



Viện Kỹ thuật Biển

*Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn –
Cái Bé, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp năm 2026*

BẢN TIN CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Kỳ 8

Kỳ dự báo: 26/06/2026 → 02/07/2026

Ngày phát hành: 26/06/2026

PHẦN 1: TỔNG QUAN VÀ THÔNG TIN CHUNG

Bản tin chất lượng nước được xây dựng nhằm cung cấp thông tin về tình trạng chất lượng nước tại các điểm giám sát trong hệ thống công trình Cái Lớn - Cái Bé, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành lấy nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

1.1. Thông tin đợt giám sát

Tên nhiệm vụ	Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp năm 2026
Đơn vị thực hiện	Viện Kỹ thuật Biển
Số điểm giám sát	15 vị trí
Đợt dự báo	Đợt 8
Kỳ dự báo	26/06/2026 → 02/07/2026

1.2. Các thông số giám sát

STT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Mức A	Mức B
1	pH	pH	-	6,5 - 8,5	6,0 - 8,5
2	Độ mặn	Độ mặn	‰	-	-
3	Chất rắn lơ lửng	TSS	mg/L	25	100
4	DO	DO	mg/L	6	5
5	BOD5	BOD5	mg/L	4	6
6	COD	COD	mg/L	10	15
7	Tổng Phốt pho	TP	mg/L	0,1	0,3
8	Tổng Nito	TN	mg/L	0,6	1,5
9	Coliform	Coliform	MPN/100ml	1.000	5.000

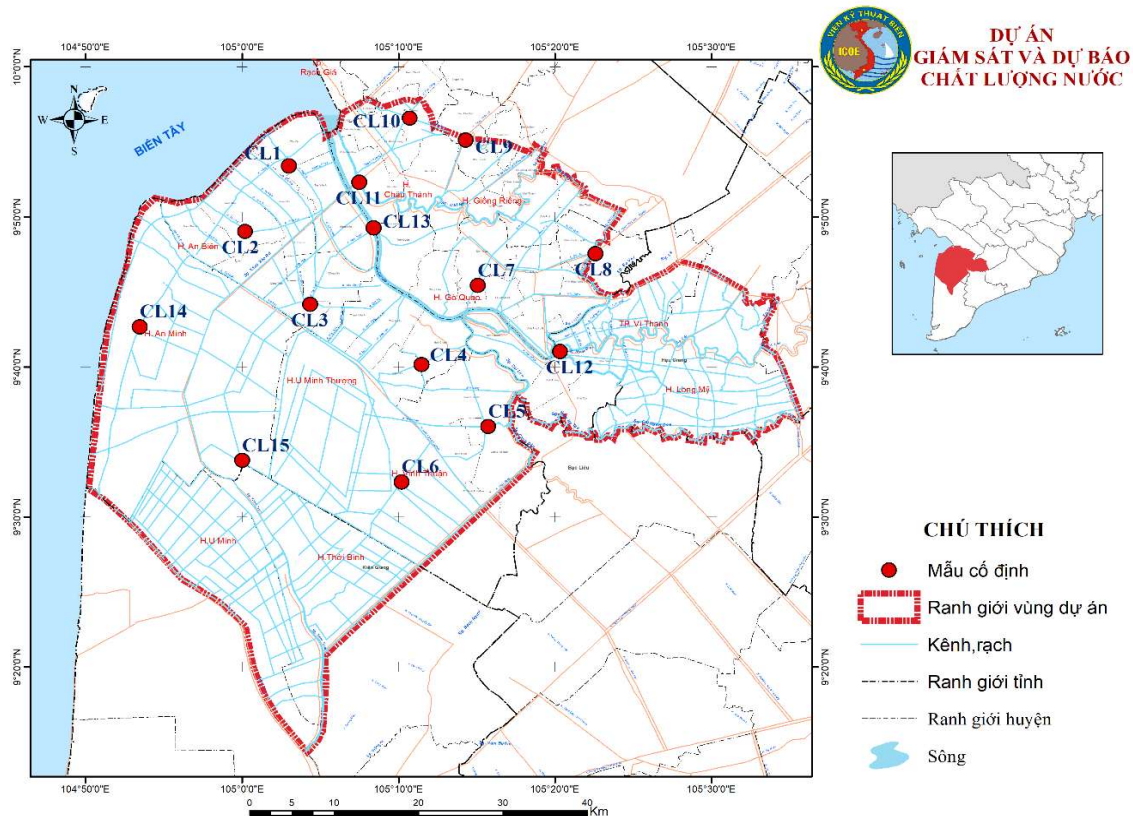
1.3. Quy chuẩn áp dụng

QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

Mức A	Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp
Mức B	Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

1.4. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được chọn để bảo đảm không chế đều chất lượng nước trong khu vực giám sát, kiểm soát được các tác động bên ngoài, đánh giá được các nguồn thải, phục vụ cho mô hình dự báo chất lượng nước. Nhiệm vụ quan trắc 15 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1: Sơ đồ các điểm giám sát cố định HTTL Cái Lớn Cái Bé năm 2026

PHẦN 2: KẾT QUẢ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Dự báo chất lượng nước cho kỳ từ 26/06/2026 đến 02/07/2026. Giá trị dự báo được trình bày dưới dạng khoảng (min-max).

STT	Vị trí	DO	Độ mặn	BOD5	TN
		mg/L	‰	mg/L	mg/L
1	CL1	5,81 - 5,83	7,77 - 8,41	4,9 - 4,92	0,68 - 0,97
2	CL2	5,48 - 5,58	10,93 - 11,66	8,77 - 11,05	0,49 - 1,28
3	CL3	4,79 - 5,28	6,09 - 6,33	7,86 - 7,89	0,01 - 0,17
4	CL4	4,66 - 5,53	3,77 - 4	8,79 - 9,34	0,59 - 0,65
5	CL5	5,21 - 5,28	4,49 - 4,97	13,45 - 18,93	0,56 - 0,59
6	CL6	4,63 - 5,16	6,12 - 6,65	9,21 - 9,73	0,23 - 0,25
7	CL7	4,63 - 4,81	0,08 - 0,21	8,73 - 9,53	0,76 - 0,77
8	CL8	4,63 - 4,81	0,03 - 0,17	11,77 - 12,05	0,96 - 1,03
9	CL9	5,14 - 5,22	0,05 - 0,19	12,68 - 12,99	0,36 - 0,37
10	CL10	4,67 - 5	0,05 - 0,09	13,76 - 16,01	0,61 - 0,72
11	CL11	4,2 - 4,37	0,05 - 0,21	11,8 - 12,59	0,75 - 0,8
12	CL12	5,13 - 5,34	0,5 - 0,5	8,57 - 8,76	0,98 - 1,06
13	CL13	5,42 - 5,5	1,76 - 3,57	9,34 - 9,84	0,61 - 0,7
14	CL14	4,55 - 4,74	10,78 - 11,77	11,82 - 13,38	0,52 - 0,57
15	CL15	5,42 - 5,58	10,08 - 11,34	8,04 - 8,17	0,75 - 0,86

Chú thích: ■ Giá trị vượt giới hạn QCVN mức A ■ Giá trị vượt giới hạn QCVN mức B

2.1. Đánh giá các chỉ tiêu dự báo

2.1.1. Oxy hòa tan (DO)

Kết quả dự báo oxy hòa tan (DO) dao động trong khoảng 4,2 – 5,83 mg/L, giá trị trung bình khoảng 4,96 – 5,2 mg/L. Có 4/15 vị trí (26,7%) có khả năng vượt giới hạn QCVN mức B (CL7, CL8, CL11, CL14). Tại các vị trí CL11 (4,2 – 4,37 mg/L) và CL14 (4,55 – 4,74 mg/L) có giá trị DO thấp nhất, các vị trí còn lại đạt Mức B; tuy nhiên không có vị trí nào đạt Mức A (≥ 6 mg/L) trong kỳ dự báo. Cần tăng cường giám sát tại các vị trí CL11 và CL14 tăng cường sục khí bổ sung nhằm đảm bảo điều kiện oxy hòa tan tối

thiếu cho hoạt động thủy sinh và nuôi trồng thủy sản.

2.1.2. Độ mặn

Kết quả dự báo độ mặn dao động trong khoảng 0,03 – 11,77 ‰, giá trị trung bình khoảng 4,17 – 4,67 ‰. Tại các vị trí CL7, CL8, CL9, CL10, CL11 có độ mặn thấp với giá trị không vượt quá 0,21‰ đặc trưng vùng nước ngọt nội đồng. Độ mặn có giá trị cao nhất tại vùng ven biển và khu vực chuyên nuôi tôm, tại các vị trí CL2, CL14 và CL15 độ mặn dao động từ 10,08 – 11,77 ‰. Tuy nhiên, người dân vẫn cần chủ động theo dõi diễn biến độ mặn và điều chỉnh độ mặn khi lấy nước phù hợp với giai đoạn sinh trưởng của các loài thủy sản.

2.1.3. BOD5

Kết quả dự báo nồng độ BOD5 dao động trong khoảng 4,9 – 18,93 mg/L, giá trị trung bình khoảng 9,97 – 11,01 mg/L. Có 14/15 vị trí (93,3%) có khả năng vượt giới hạn QCVN mức B theo QCVN 08:2023/BTNMT. Tình trạng ô nhiễm hữu cơ đáng chú ý nhất được ghi nhận tại kênh Làng Thứ 7 – CL5 (13,45 - 18,93) và kênh xáng Giồng Riềng – CL10 (13,76 - 16,01), mặc dù ở vị trí kênh Xẻo Già – CL1 (4,9 - 4,92) đạt mức B nhưng dự báo giá trị chạm ngưỡng tiếp tục cảnh báo tình trạng ô nhiễm hữu cơ lan rộng. Đây là tình trạng đáng quan ngại, cần có biện pháp phòng ngừa và ứng phó kịp thời. Các cơ quan quản lý cần có biện pháp kiểm soát nguồn thải hữu cơ đổ vào kênh. Tăng cường xử lý nước thải sinh hoạt và nông nghiệp.

2.1.4. Tổng Nitơ (TN)

Kết quả dự báo tổng Nitơ (TN) dao động trong khoảng 0,01 – 1,28 mg/L, giá trị trung bình khoảng 0,59 – 0,72 mg/L. Có 10/15 vị trí (66,7%) có khả năng vượt giới hạn QCVN mức A nhưng vẫn đạt mức B. Nguồn nước dự báo phù hợp cho mục đích thủy lợi và tưới tiêu. Các vị trí chạm ngưỡng mức B như kênh Thứ 6 – CL2 (0,49 - 1,28), nơi giao nhau giữa sông Cái Bé với kênh Ô Môn – CL8, trên sông Nước Đục – CL12 (0,98 - 1,06) cần theo dõi và kiểm soát tải lượng nitơ tại vị trí này. Cần giảm thiểu nguồn dinh dưỡng từ phân bón nông nghiệp và nước thải.

PHẦN 3: TỔNG HỢP VÀ KẾT LUẬN

1. Kết quả dự báo

Kết quả dự báo chất lượng nước Kỳ 8 (từ ngày 26/06 đến 02/07/2026), cho thấy chất lượng nước tiếp tục ở mức trung bình, trong đó thông số BOD5 có 14/15 vị trí vượt ngưỡng Mức B. Kèm theo đó, lượng oxy hòa tan (DO) tại phần lớn các khu vực vẫn chạm ngưỡng Mức B cần tăng cường giám sát tại các vị trí. Độ mặn dao động trong khoảng 0,03 – 11,77 ‰. Tổng Nitơ (TN) dao động trong khoảng 0,01 – 1,28 mg/L. Cần tiếp tục giám sát và cập nhật dữ liệu để đảm bảo độ chính xác của dự báo. Chú ý các vị trí dự báo vượt ngưỡng mức B theo QCVN 08-MT:2023/BTNMT.

2. Khuyến nghị

Tiếp tục theo dõi, cần tăng cường tần suất giám sát tại các vị trí có thông số vượt ngưỡng. Các cơ quan quản lý cần ưu tiên kiểm soát tải lượng hữu cơ từ hoạt động sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, tăng cường sục khí tại các điểm chưa đạt chỉ tiêu DO, đồng thời tiếp tục theo dõi diễn biến xâm nhập mặn.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý và Xây dựng Công trình thủy lợi (để b/c);
- Sở NN&MT, Chi cục thủy lợi các tỉnh An Giang, Tp. Cần Thơ, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam;
- Các phòng, ban liên quan thuộc Cục Quản lý và Xây dựng CTTL;
- Webgis Cục Quản lý và Xây dựng CTTL, Website Viện Kỹ thuật Biển;
- Lưu TT TNB&ĐB.

VIỆN KỸ THUẬT BIỂN



Phạm Văn Tùng

PHỤ LỤC 1: THÔNG TIN CÁC VỊ TRÍ GIÁM SÁT

TT	Vị trí	Ký hiệu	Kinh độ	Vĩ độ	Mục đích
1	Điểm lấy mẫu trên kênh Xẻo Già, thuộc xã Tây Yên, tỉnh An Giang	CL1	105°2'59,52"	9°53'25,15"	Đánh giá chất lượng nước vùng chuyên tôm tại xã Tây Yên dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
2	Điểm lấy mẫu trên kênh Thứ 6 (tại vị trí cầu Nam Thái), thuộc xã Đông Thái, tỉnh An Giang	CL2	105°0'11,72"	9°49'2,02"	Đánh giá chất lượng nước vùng chuyên tôm tại xã Đông Thái dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
3	Điểm lấy mẫu trên kênh Số 1, thuộc xã Đông Thái, tỉnh An Giang	CL3	105°4'20,70"	9°44'10,88"	Đánh giá chất lượng nước vùng chuyên tôm tại xã Đông Thái dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
4	Điểm lấy mẫu trên kênh Ngang (kênh Sáu Sanh), thuộc xã Vĩnh Hòa, tỉnh An Giang	CL4	105°11'27,27"	9°40'9,04"	Đánh giá chất lượng nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp kết hợp nuôi thủy sản tại xã Vĩnh Hòa dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
5	Điểm lấy mẫu trên kênh Làng Thứ 7 (kênh Lộ Se), thuộc xã Vĩnh Bình, tỉnh An Giang	CL5	105°15'43,77"	9°36'1,87"	Đánh giá chất lượng nước cấp cho sản xuất nông nghiệp kết hợp nuôi trồng thủy sản tại xã Vĩnh Bình dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
6	Điểm lấy mẫu trên kênh 8000 giao với Lộ Kênh 2, thuộc xã Vĩnh Thuận, tỉnh An Giang	CL6	105°10'12,83"	9°32'11,61"	Đánh giá chất lượng nước cho vùng sản xuất nông nghiệp kết hợp nuôi thủy sản xã Tân Thạnh dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
7	Điểm lấy mẫu trên kênh KH5, thuộc xã Định Hòa, tỉnh An Giang	CL7	105°15'3,74"	9°45'26,37"	Đánh giá chất lượng nước cho vùng sản xuất nông nghiệp kết hợp nuôi thủy

					sản xã Định Hòa dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
8	Điểm lấy mẫu tại nơi giao nhau giữa sông Cái Bé với kênh Ô Môn (sông Ba Hồ), thuộc xã Vĩnh Hòa Hưng, tỉnh An Giang	CL8	105°22'34,32"	9°47'33,71"	Chất lượng nước phục vụ cho cấp nước sản xuất nông nghiệp vùng chuyên lúa xã Vĩnh Hòa Hưng (cách điểm lấy mẫu về phía Tây Nam 100 m là chợ Vĩnh Hòa Hưng và chợ Ba Hồ 200 m).
9	Điểm lấy mẫu trên kênh Chung Bàu, thuộc xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang	CL9	105°14'18,10"	9°55'8,62"	Chất lượng nước phục vụ cho cấp nước sản xuất nông nghiệp vùng chuyên lúa (gần chợ Bàn Tân Định cách điểm lấy mẫu 100 m về hướng Tây).
10	Điểm lấy mẫu trên kênh xáng Giồng Riềng, thuộc xã Châu Thành, tỉnh An Giang	CL10	105°10'43,58"	9°56'35,12"	Chất lượng nước cho sản xuất nông nghiệp xã Châu Thành.
11	Điểm lấy mẫu trên sông Cái Bé (tại bến phà Tắc Cậy), thuộc xã Bình An, tỉnh An Giang	CL11	105°7'29,10"	9°52'19,72"	Đánh giá chất lượng nước trên sông Cái Bé (vị trí lấy mẫu phà Tắc Cậy) dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
12	Điểm lấy mẫu trên sông Nước Đục (tại bến phà Hòa Tiến), thuộc Xã Hòa Lự, Tp. Cần Thơ	CL12	105°20'19,10"	9°41'2,50"	Chất lượng nước cho sản xuất nông nghiệp xã Hòa Lự dưới tác động của dòng chảy sông Cái Lớn.
13	Điểm lấy mẫu trên sông Cái Lớn giao với kênh Năm Ngàn, thuộc xã An Biên, tỉnh An Giang	CL13	105°8'44"	9°49'112"	Kiểm soát, đánh giá chất lượng nước cho vùng sản xuất nông nghiệp kết hợp nuôi thủy sản xã An Biên dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng, đánh giá hiệu quả kiểm soát mặn của cống Cái Lớn vào mùa khô, bổ sung nguồn số liệu hiệu chỉnh kiểm định mô hình.

14	Điểm lấy mẫu trên kênh Xẻo Nhàu giao với kênh Chông Mỹ, xã Tân Thạnh, tỉnh An Giang	CL14	104°54'4,39"	9°43'31,20"	Đánh giá chất lượng nước vùng nuôi tôm tại xã Tân Thạnh dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
15	Điểm lấy mẫu trên kênh Cùng giao với kênh KT1, xã An Minh, tỉnh An Giang	CL15	105° 0'10,37"	9°33'30,95"	Đánh giá chất lượng nước cho vùng sản xuất nông nghiệp kết hợp nuôi thủy sản xã An Minh dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.

PHỤ LỤC 2: KẾT QUẢ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC

1. Kết quả dự báo diễn biến DO (mgO_2/L) từ ngày 26/06 – 02/07/2026

Ký hiệu	26/06	27/06	28/06	29/06	30/06	01/07	02/07
CL1	5,83	5,83	5,83	5,82	5,82	5,81	5,81
CL2	5,58	5,54	5,50	5,48	5,48	5,50	5,52
CL3	5,28	5,26	5,08	4,84	4,79	4,81	4,97
CL4	5,40	5,39	5,38	5,53	5,01	4,69	4,66
CL5	5,21	5,23	5,25	5,28	5,28	5,27	5,24
CL6	4,84	4,94	5,04	5,14	5,16	4,94	4,63
CL7	4,81	4,72	4,66	4,64	4,63	4,66	4,68
CL8	4,81	4,72	4,66	4,64	4,63	4,66	4,68
CL9	5,21	5,22	5,19	5,15	5,14	5,14	5,15
CL10	4,92	5,00	4,99	4,88	4,83	4,73	4,67
CL11	4,35	4,37	4,32	4,21	4,20	4,24	4,35
CL12	5,13	5,21	5,30	5,34	5,33	5,27	5,17
CL13	5,48	5,49	5,50	5,47	5,45	5,43	5,42
CL14	4,62	4,63	4,55	4,55	4,60	4,68	4,74
CL15	5,50	5,47	5,44	5,42	5,48	5,54	5,58

2. Kết quả dự báo diễn biến độ mặn (%) từ ngày 26/06 – 02/07/2026

Ký hiệu	26/06	27/06	28/06	29/06	30/06	01/07	02/07
CL1	8,41	8,30	8,14	7,98	7,87	7,79	7,77
CL2	10,97	11,18	11,44	11,63	11,66	11,44	10,93
CL3	6,13	6,27	6,33	6,32	6,15	6,09	6,25
CL4	3,77	3,93	3,99	3,99	3,99	4,00	4,00
CL5	4,49	4,68	4,78	4,94	4,97	4,90	4,80
CL6	6,12	6,13	6,35	6,57	6,65	6,53	6,18
CL7	0,11	0,10	0,21	0,12	0,08	0,18	0,16
CL8	0,17	0,17	0,03	0,13	0,11	0,16	0,11
CL9	0,18	0,19	0,07	0,05	0,09	0,16	0,19
CL10	0,08	0,09	0,09	0,08	0,08	0,07	0,05
CL11	0,17	0,07	0,16	0,05	0,21	0,18	0,17
CL12	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50
CL13	3,46	3,57	3,37	3,03	2,50	2,00	1,76
CL14	11,34	11,57	11,77	11,71	11,53	11,14	10,78
CL15	11,17	11,29	11,34	11,26	10,93	10,20	10,08

3. Kết quả dự báo diễn biến BOD5 (mg/L) từ ngày 26/06 – 02/07/2026

Ký hiệu	26/06	27/06	28/06	29/06	30/06	01/07	02/07
CL1	4,91	4,90	4,90	4,91	4,90	4,91	4,92
CL2	8,77	9,26	9,78	10,10	10,62	11,04	11,05
CL3	7,86	7,89	7,88	7,88	7,88	7,89	7,89
CL4	8,79	8,82	8,86	8,84	8,97	9,28	9,34
CL5	18,93	17,92	16,82	16,61	15,99	14,44	13,45
CL6	9,28	9,21	9,27	9,42	9,56	9,66	9,73
CL7	9,16	9,53	9,31	9,11	8,94	8,80	8,73
CL8	11,88	11,77	11,77	11,86	11,94	11,98	12,05
CL9	12,99	12,93	12,73	12,77	12,68	12,71	12,72
CL10	13,76	13,92	14,35	15,17	16,01	15,72	14,42
CL11	11,80	11,87	11,99	12,15	12,35	12,51	12,59
CL12	8,57	8,58	8,58	8,60	8,66	8,72	8,76
CL13	9,60	9,49	9,42	9,37	9,34	9,37	9,84
CL14	13,38	12,76	12,15	11,82	11,82	11,99	12,24
CL15	8,17	8,15	8,13	8,09	8,06	8,04	8,10

4. Kết quả dự báo diễn biến TN (mg/L) từ ngày 26/06 – 02/07/2026

Ký hiệu	26/06	27/06	28/06	29/06	30/06	01/07	02/07
CL1	0,88	0,86	0,84	0,77	0,68	0,79	0,97
CL2	0,49	0,51	0,72	0,67	0,73	0,98	1,28
CL3	0,14	0,06	0,09	0,04	0,17	0,11	0,01
CL4	0,65	0,65	0,64	0,62	0,61	0,59	0,60
CL5	0,59	0,59	0,58	0,57	0,56	0,57	0,59
CL6	0,25	0,25	0,24	0,24	0,23	0,23	0,23
CL7	0,77	0,76	0,76	0,76	0,76	0,76	0,76
CL8	0,96	0,98	0,99	1,00	1,00	1,02	1,03
CL9	0,36	0,37	0,37	0,37	0,37	0,36	0,36
CL10	0,61	0,63	0,64	0,65	0,68	0,71	0,72
CL11	0,75	0,75	0,76	0,76	0,76	0,78	0,80
CL12	1,02	1,04	1,06	1,04	1,01	0,99	0,98
CL13	0,61	0,67	0,70	0,70	0,69	0,68	0,66
CL14	0,57	0,57	0,56	0,56	0,54	0,52	0,52
CL15	0,85	0,86	0,84	0,85	0,85	0,78	0,75